

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

Số 02 An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Bá Phúc

Ông Nguyễn Chí Thành

Ông Nguyễn Quốc Trường

Ông Nguyễn Trung Kiên

Ông Đặng Quốc Dũng

Ông Sakchai Patiparnpreechavud

Chủ tịch

Phó Chủ tịch

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Trường

Ông Nguyễn Trung Kiên

Ông Chu Văn Phương

Ông Trần Nhật Ninh

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22 tháng 7 năm 2014)

Bà Ngô Thị Thu Thủy

Ông Trần Ngọc Bảo

Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22 tháng 7 năm 2014)

Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Quốc Trường

Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 09 tháng 3 năm 2015

Số: 63/A /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong

Chúng tôi đã kiểm toán bảng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 09 tháng 3 năm 2015, từ trang 4 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 25 tháng 3 năm 2014 đưa ra ý kiến chấp thuận có điều kiện.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 09 tháng 3 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Lê Toàn Thắng
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0771-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		1.416.087.498.897	882.653.563.858
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	49.735.663.171	29.343.739.671
1. Tiền	111		17.235.663.171	14.343.739.671
2. Các khoản tương đương tiền	112		32.500.000.000	15.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		650.298.478.750	454.021.248.991
1. Phải thu khách hàng	131	6	609.807.952.787	454.783.283.480
2. Trả trước cho người bán	132		56.122.021.549	13.890.047.743
3. Các khoản phải thu khác	135		1.589.142.594	1.780.267.019
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(17.220.638.180)	(16.432.349.251)
III. Hàng tồn kho	140	7	702.542.926.650	391.937.400.423
1. Hàng tồn kho	141		703.595.186.596	392.881.731.371
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.052.259.946)	(944.330.948)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.510.430.326	7.351.174.773
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		282.683.540	2.582.720.013
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.966.775.603	1.187.845.347
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		979.034.853	2.643.871.496
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.281.936.330	936.737.917
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		1.164.260.818.359	928.337.642.414
I. Tài sản cố định	220		1.009.672.386.545	805.712.336.956
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	819.949.660.893	653.994.430.332
- Nguyên giá	222		1.274.281.038.745	1.026.593.061.439
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(454.331.377.852)	(372.598.631.107)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	40.661.258.364	39.789.086.667
- Nguyên giá	228		42.570.913.770	40.531.233.018
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.909.655.406)	(742.146.351)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	149.061.467.288	111.928.819.957
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		116.646.691.086	99.320.351.582
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên danh	252	11	116.410.691.086	97.720.351.582
2. Đầu tư dài hạn khác	258		1.600.000.000	1.600.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.364.000.000)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		37.941.740.728	23.304.953.876
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	37.941.740.728	23.304.953.876
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.580.348.317.256	1.810.991.206.272

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.114.438.371.928	584.942.516.578
I. Nợ ngắn hạn	310		1.091.101.694.848	584.942.516.578
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	840.230.841.253	366.450.255.227
2. Phải trả người bán	312		121.759.783.507	81.024.357.830
3. Người mua trả tiền trước	313		1.324.360.207	1.290.881.644
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	22.431.668.047	36.084.221.270
5. Phải trả người lao động	315		22.933.563.959	29.380.879.592
6. Chi phí phải trả	316	15	68.105.176.901	54.914.626.169
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	12.881.907.466	11.899.150.259
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.434.393.508	3.898.144.587
II. Nợ dài hạn	330		23.336.677.080	-
1. Vay và nợ dài hạn	334	17	23.336.677.080	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1.465.909.945.328	1.226.048.689.694
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	1.465.909.945.328	1.226.048.689.694
1. Vốn điều lệ	411		563.392.900.000	433.379.960.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		467.151.163.939	483.745.809.343
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		56.339.290.000	43.337.996.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		379.026.591.389	265.584.924.351
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.580.348.317.256	1.810.991.206.272

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Ngoại tệ các loại

- USD

31/12/2014


31/12/2013

5.945

10.678



Lưu Thị Mai
Người lập biểu



Trần Ngọc Bảo
Kế toán trưởng




Nguyễn Quốc Trường
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

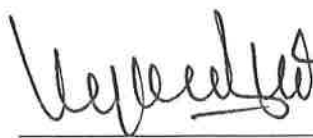
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN/HN


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm 2014	Năm 2013
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng	01		3.006.459.211.308	2.489.090.155.885
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		8.924.139.679	8.357.408.316
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10	19	2.997.535.071.629	2.480.732.747.569
4. Giá vốn hàng bán	11	20	2.071.603.890.371	1.606.454.372.157
5. Lợi nhuận gộp bán hàng (20=10-11)	20		925.931.181.258	874.278.375.412
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.653.342.640	4.354.527.573
7. Chi phí tài chính	22	22	37.703.915.861	24.071.088.440
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		36.104.196.332	20.893.764.749
8. Chi phí bán hàng	24		414.160.140.275	381.453.081.533
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		112.645.983.472	100.813.521.575
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		364.074.484.290	372.295.211.437
11. Thu nhập khác	31		2.715.355.176	1.603.987.812
12. Chi phí khác	32		4.385.746.710	2.869.926.055
13. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(1.670.391.534)	(1.265.938.243)
14. Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	45		19.190.114.504	13.616.379.603
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		381.594.207.260	384.645.652.797
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	56.548.691.284	95.067.125.456
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		325.045.515.976	289.578.527.341
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	5.769	5.140


Lưu Thị Mai
Người lập biểu


Trần Ngọc Bảo
Kế toán trưởng




Nguyễn Quốc Trường
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Năm	
		2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	381.594.207.260	384.645.652.797
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	84.679.200.968	75.428.625.828
Các khoản dự phòng	03	2.260.217.927	18.483.530
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(21.059.079.345)	(15.360.035.913)
Chi phí lãi vay	06	36.104.196.332	20.893.764.749
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	483.578.743.142	465.626.490.991
Thay đổi các khoản phải thu	09	(205.179.612.301)	13.293.131.563
Thay đổi hàng tồn kho	10	(310.713.455.225)	(86.145.697.232)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	42.776.249.673	42.030.356.615
Thay đổi chi phí trả trước	12	(12.091.418.702)	(3.537.500.423)
Tiền lãi vay đã trả	13	(35.084.709.477)	(21.158.883.015)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(65.502.084.489)	(96.424.011.172)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(22.486.440.834)	(20.679.032.578)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(124.702.728.213)	293.004.854.749
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(289.404.800.214)	(223.959.787.872)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	447.409.000	-
3. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.941.773.821	4.115.477.265
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(287.015.617.393)	(219.844.310.607)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.259.418.643.733	1.393.664.357.632
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.762.301.380.627)	(1.383.834.001.138)
3. Cổ tức đã trả cho các cổ đông	36	(65.006.994.000)	(151.682.986.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	432.110.269.106	(141.852.629.506)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50	20.391.923.500	(68.692.085.364)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	29.744.787.851	98.035.825.035
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	49.735.663.171	29.343.739.671


Lưu Thị Mai
Người lập biểu

Ngày 09 tháng 3 năm 2015


Trần Ngọc Bảo
Kế toán trưởng




Nguyễn Quốc Trường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Việc cổ phần hóa Công ty được thực hiện theo Quyết định số 80/2004/QĐ-BCN ngày 17 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công thương.

Sau khi cổ phần hóa, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001195 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 30 tháng 12 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là NTP.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.195 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.197 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ các ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải;
- Xây dựng khu chung cư, hạ tầng cơ sở, xây nhà cao cấp, văn phòng cho thuê, xây dựng trung tâm thương mại, xây dựng chợ kinh doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động dịch vụ tài chính, hoạt động trung gian tiền tệ;
- Kho bãi, vận tải đường bộ và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải; và
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất.

Công ty con

Thông tin chi tiết về công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung	Tỉnh Nghệ An	100	100	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa cho dân dụng và công nghiệp

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Những thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho các quy định trong phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này đến các báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở các công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)*****Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, ngoại trừ giá xuất kho nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2014
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 30 - 45 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm, và tiền thuê đất được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, có kỳ hạn, lãi nhận được từ các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn, trong đó lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng; lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	74.996.196	608.018.006
Tiền gửi ngân hàng	17.160.666.975	13.735.721.665
Các khoản tương đương tiền	32.500.000.000	15.000.000.000
	<u>49.735.663.171</u>	<u>29.343.739.671</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại các ngân hàng thương mại.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Nhóm các trung tâm bán hàng trả chậm	573.125.378.050	406.891.893.809
Nhóm các công ty liên doanh liên kết	18.516.786.812	24.709.672.558
Nhóm các công ty khác	18.165.787.925	23.181.717.113
	<u>609.807.952.787</u>	<u>454.783.283.480</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG02 An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***7. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	52.443.866.327	38.893.460.214
Nguyên liệu, vật liệu	435.735.813.254	195.480.221.556
Công cụ, dụng cụ	4.491.272.381	4.015.626.828
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	52.196.905.489	33.439.149.445
Thành phẩm	158.727.329.145	121.053.273.328
	703.595.186.596	392.881.731.371
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.052.259.946)	(944.330.948)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	702.542.926.650	391.937.400.423

Như trình bày tại Thuyết minh số 13, Công ty đã thế chấp hàng tồn kho của công ty mẹ với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 649.390 triệu VND để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng (31 tháng 12 năm 2013: 365.992 triệu VND).

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	534.243.448.751	422.369.095.094	60.769.208.052	9.211.309.542	1.026.593.061.439
Mua trong kỳ	-	988.668.600	-	56.000.000	1.044.668.600
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	137.756.219.565	96.070.661.800	13.758.205.984	1.492.815.091	249.077.902.440
Thanh lý	-	(2.291.836.408)	-	-	(2.291.836.408)
Giảm khác	(32.856.235)	-	(109.901.091)	-	(142.757.326)
Tại ngày 31/12/2014	<u>671.966.812.081</u>	<u>517.136.589.086</u>	<u>74.417.512.945</u>	<u>10.760.124.633</u>	<u>1.274.281.038.745</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	68.403.109.437	280.982.875.562	17.924.627.014	5.288.019.094	372.598.631.107
Khấu hao trong năm	39.035.061.609	34.991.878.455	7.985.255.091	1.499.496.758	83.511.691.913
Thanh lý	-	(1.771.618.428)	-	-	(1.771.618.428)
Giảm khác	-	-	(7.326.740)	-	(7.326.740)
Tại ngày 31/12/2014	<u>107.438.171.046</u>	<u>314.203.135.589</u>	<u>25.902.555.365</u>	<u>6.787.515.852</u>	<u>454.331.377.852</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	<u>564.528.641.035</u>	<u>202.933.453.497</u>	<u>48.514.957.580</u>	<u>3.972.608.781</u>	<u>819.949.660.893</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>465.840.339.314</u>	<u>141.386.219.532</u>	<u>42.844.581.038</u>	<u>3.923.290.448</u>	<u>653.994.430.332</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 13, Công ty đã thế chấp toàn bộ tài sản cố định hữu hình tại công ty mẹ với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.076.219 triệu VND (31 tháng 12 năm 2013: 844.739 triệu VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 201.184 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 192.659 triệu VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm</u>	<u>Khác</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>máy tính</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	34.179.267.316	77.400.000	6.274.565.702	40.531.233.018
Mua trong kỳ	-	76.000.000	219.802.182	295.802.182
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.731.707.630	-	122.072.031	1.853.779.661
Giảm khác	-	-	(109.901.091)	(109.901.091)
Tại ngày 31/12/2014	<u>35.910.974.946</u>	<u>153.400.000</u>	<u>6.506.538.824</u>	<u>42.570.913.770</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	580.402.656	6.450.000	155.293.695	742.146.351
Khấu hao trong năm	827.228.150	18.028.006	322.252.899	1.167.509.055
Tại ngày 31/12/2014	<u>1.407.630.806</u>	<u>24.478.006</u>	<u>477.546.594</u>	<u>1.909.655.406</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2014	<u>34.503.344.140</u>	<u>128.921.994</u>	<u>6.028.992.230</u>	<u>40.661.258.364</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>33.598.864.660</u>	<u>70.950.000</u>	<u>6.119.272.007</u>	<u>39.789.086.667</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 13, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 khoảng 34.179 triệu VND (31 tháng 12 năm 2013: 34.179 triệu VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đầu năm	111.928.819.957	197.213.253.800
Tăng trong năm	288.253.527.679	219.042.476.231
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(249.077.902.440)	(263.873.077.056)
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.853.779.661)	(40.453.833.018)
Giảm khác	(189.198.247)	-
Cuối kỳ	<u>149.061.467.288</u>	<u>111.928.819.957</u>
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:		
	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nhà máy sản xuất tại cơ sở mới Dương Kinh	140.907.652.789	102.819.366.580
Dự án số 02 An Đà (*)	7.321.164.499	6.735.525.794
Các công trình khác	832.650.000	2.373.927.583
	<u>149.061.467.288</u>	<u>111.928.819.957</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 13, Công ty đã thế chấp công trình xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 149.061 triệu VND (31 tháng 12 năm 2013: 111.929 triệu VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

(*) Theo các Công văn số 375/UBND-XD ngày 18 tháng 01 năm 2008 và số 2460/UBND-CN ngày 12 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng, Công ty được phép phát triển một tổ hợp tòa nhà bao gồm các căn hộ chung cư và văn phòng cho thuê tại số 02 An Đà, phường Lạch Tray, thành phố Hải Phòng. Ngày 22 tháng 5 năm 2014, Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng ra Quyết định số 1018/QĐ-UBND về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 và thiết kế của Dự án, theo đó Công ty sẽ có trách nhiệm triển khai các thủ tục tiếp theo của Dự án theo quy định. Sau 01 năm, nếu Công ty không triển khai thực hiện, Ủy ban Nhân dân thành phố sẽ xem xét, thu hồi giao cho đơn vị khác có nhu cầu và năng lực thực hiện Dự án theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

02 An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	80.195.883.000	80.195.883.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	36.214.808.086	17.524.468.582
	<u>116.410.691.086</u>	<u>97.720.351.582</u>
<i>Trong đó:</i>		
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	82.516.062.238	64.230.833.316
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	9.006.724.734	10.267.206.755
Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong - SMP (*)	24.887.904.114	23.222.311.511
	<u>116.410.691.086</u>	<u>97.720.351.582</u>

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ quyền biểu quyết		Hoạt động chính
		Tỷ lệ sở hữu (%)	năm giữ (%)	
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	Tỉnh Bình Dương	37,78	37,78	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa cho dân dụng và công nghiệp
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	Thành phố Hải Phòng	49,98	49,98	Sản xuất bao bì nhựa PP, bao bì xi măng, các loại giấy, màng ghép phức hợp và sản phẩm nhựa khác
Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong - SMP (*)	Thành phố Viêng Chăn - Lào	51,00	51,00	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống nhựa, phụ tùng và các sản phẩm nhựa khác

(*) Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong - SMP (“Công ty liên doanh”) được thành lập theo Chứng nhận Đầu tư ra nước ngoài số 222/BKH-ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 05 tháng 3 năm 2009 và Giấy chứng nhận Đầu tư số 032/IB.VC do Cục Đầu tư trong nước và nước ngoài Viêng Chăn cấp ngày 17/4/2008 giữa hai bên là Công ty Xuất nhập khẩu Thương mại SMP (“Công ty SMP”) và Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong.

Ngày 15 tháng 5 năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng phần vốn chủ sở hữu tại Công ty liên doanh với Công ty TNHH Xuất nhập khẩu thương mại PPS (“Công ty PPS”), theo đó Công ty sẽ bán toàn bộ phần vốn Công ty đang nắm giữ tại Công ty liên doanh cho Công ty PPS với số tiền là 1.275.000 USD. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, giao dịch này chưa được thực hiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG02 An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT (Tiếp theo)**

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tổng tài sản	528.904.144.302	468.951.204.317
Tổng công nợ	243.382.828.480	225.970.915.585
Tài sản thuần	285.521.315.822	242.980.288.732
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	116.410.691.086	97.720.351.582
	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Doanh thu thuần	673.483.081.498	429.783.375.214
Lợi nhuận thuần	44.140.870.329	34.736.702.907
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	19.190.114.504	13.616.379.603

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	29.981.289.338	15.284.522.807
Chi phí sửa chữa tài sản lớn	3.276.791.119	1.366.960.631
Phí tư vấn thương hiệu	2.362.937.500	5.155.500.000
Chi phí thuê đất Dương Kinh	1.881.179.625	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	439.543.146	1.497.970.438
	37.941.740.728	23.304.953.876

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	837.790.841.253	366.450.255.227
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 17)	2.440.000.000	-
	840.230.841.253	366.450.255.227

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty được dùng để bổ sung vốn lưu động trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là từ 4,5%/năm đến 5,5%/năm đối với đồng Việt Nam, và 4%/năm đối với đồng Đô la Mỹ. Các khoản vay được phân loại theo đồng tiền vay, hình thức bảo đảm và lãi suất vay như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG02 An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Vay bằng VND	837.790.841.253	363.908.602.698
Vay bằng USD	-	2.541.652.529
	<u>837.790.841.253</u>	<u>366.450.255.227</u>
	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Các khoản được đảm bảo bằng nguyên giá của tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	499.382.825.234	216.360.595.334
Các khoản được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị ghi sổ của hàng tồn kho	150.323.088.546	26.506.740.400
Các khoản vay không có tài sản đảm bảo	188.084.927.473	123.582.919.493
	<u>837.790.841.253</u>	<u>366.450.255.227</u>

Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn và dài hạn (Thuyết minh số 17) được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản của Công ty mẹ với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.908.850 triệu VND (31 tháng 12 năm 2013: 1.790.535 triệu VND)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.643.323.053	6.939.291.973
Thuế xuất, nhập khẩu	355.936.014	357.552.402
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.756.635.873	25.643.692.927
Thuế thu nhập cá nhân	1.675.773.107	3.143.683.968
	<u>22.431.668.047</u>	<u>36.084.221.270</u>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Chi phí phải trả nhà phân phối	62.051.060.338	48.760.032.289
Phải trả các nhà thầu	1.140.910.000	1.140.910.000
Chi phí vận chuyển	2.832.377.310	2.889.284.801
Lãi vay phải trả	1.775.379.253	755.892.398
Chi phí khác	305.450.000	1.368.506.681
	<u>68.105.176.901</u>	<u>54.914.626.169</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG02 An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	8.755.183.500	7.594.429.000
Kinh phí công đoàn	1.206.509.489	1.432.529.990
Bảo hiểm	355.954.997	718.224.484
Các khoản phải trả khác	2.564.259.480	2.153.966.785
	<u>12.881.907.466</u>	<u>11.899.150.259</u>

17. VAY DÀI HẠN

Tại ngày 24 tháng 12 năm 2014, Công ty ký 02 khế ước nhận nợ vay dài hạn với tổng số tiền 25.776.677.080 VND. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 24 tháng 3 năm 2015 đến ngày 24 tháng 12 năm 2019. Khoản vay chịu lãi suất 7,9% tại thời điểm giải ngân, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần và được trả vào ngày 01 hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản cố định để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 13). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty rút vốn với tổng số tiền 25.776.677.080 VND.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.440.000.000	-
Trong năm thứ hai	5.760.000.000	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	17.576.677.080	-
Sau năm năm	-	-
	<u>25.776.677.080</u>	<u>-</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn-xem Thuyết minh 13)	2.440.000.000	-
Số phải trả sau 12 tháng	<u>23.336.677.080</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU TIỀN PHONG02 An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN/HN****18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/01/2013	433.379.960.000	347.134.076.608	43.337.996.000	288.768.021.355	1.263.974.235	1.113.884.028.198
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	289.578.527.341	-	289.578.527.341
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	136.611.732.735	-	(136.611.732.735)	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(20.369.677.905)	-	(20.369.677.905)
Trả cổ tức	-	-	-	(151.682.986.000)	-	(151.682.986.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, và Ban kiểm soát	-	-	-	(4.000.000.000)	-	(4.000.000.000)
Khác	-	-	-	(97.227.705)	(1.263.974.235)	(1.361.201.940)
Số dư tại 01/01/2014	433.379.960.000	483.745.809.343	43.337.996.000	265.584.924.351	-	1.226.048.689.694
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	325.045.515.976	-	325.045.515.976
Tăng vốn (i)	130.012.940.000	(130.012.940.000)	-	-	-	-
Trích quỹ từ lợi nhuận (ii)	-	113.418.294.596	13.001.294.000	(126.419.588.596)	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	(17.527.266.342)	-	(17.527.266.342)
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát (iii)	-	-	-	(2.650.000.000)	-	(2.650.000.000)
Trả cổ tức (iii)	-	-	-	(65.006.994.000)	-	(65.006.994.000)
Số dư tại 31/12/2014	563.392.900.000	467.151.163.939	56.339.290.000	379.026.591.389	-	1.465.909.945.328

(i) Ngày 23 tháng 6 năm 2014, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ bằng phương thức phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu từ quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 130.012.940.000 VND, tương ứng với số cổ phiếu phát hành thêm là 13.001.294 cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 32/NQ-ĐHĐCĐTN/NTP ngày 19 tháng 4 năm 2014.

(ii) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 32/NQ-ĐHĐCĐTN/NTP ngày 19 tháng 4 năm 2014, cụ thể như sau: trích quỹ đầu tư phát triển là 113.418.294.596 VND, trích quỹ dự phòng tài chính là 13.001.294.000 VND (cho đủ 10% vốn điều lệ mới); trích quỹ khen thưởng phúc lợi là 17.527.266.342 VND; và trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát là 2.650.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONGSố 02 An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

(iii) Công ty trả cổ tức theo theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 32/NQ-ĐHĐCĐTN/NTP ngày 19 tháng 4 năm 2014 từ lợi nhuận sau thuế năm 2013 với tổng số tiền là 130.013.988.000 VND (30% vốn điều lệ). Trong đó, tạm ứng cổ tức đợt 1 là 65.006.994.000 VND trong tháng 12 năm 2013 và đợt 2 là 65.006.994.000 VND được trả sau Đại hội Cổ đông.

Cổ phiếu	31/12/2014	31/12/2013
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	56.339.290	43.337.996
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	56.339.290	43.337.996

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001195 ngày 30 tháng 12 năm 2004 và sửa đổi lần thứ 9 ngày 23 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, vốn điều lệ của Công ty là 563.392.900.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư (%)	31/12/2014	31/12/2013
		VND	VND
Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)	37,10	209.040.000.000	160.800.000.000
Các cổ đông khác	62,90	354.352.900.000	272.579.960.000
	100,00	563.392.900.000	433.379.960.000

19. DOANH THU BÁN HÀNG

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán sản phẩm	2.923.666.704.583	2.407.872.626.620
Doanh thu khác	82.792.506.725	81.217.529.265
	3.006.459.211.308	2.489.090.155.885
Giảm giá hàng bán	(8.924.139.679)	(8.357.408.316)
Doanh thu thuần	2.997.535.071.629	2.480.732.747.569

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn bán sản phẩm	1.989.223.043.803	1.527.048.748.096
Giá vốn bán khác	82.380.846.568	79.405.624.061
	2.071.603.890.371	1.606.454.372.157

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

Số 02 An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.107.656.568.727	1.430.051.428.022
Chi phí nhân công	183.134.479.542	167.211.615.860
Chi phí khấu hao tài sản cố định	84.679.200.968	75.428.625.828
Chi phí cho nhà phân phối	233.935.458.862	253.082.585.534
Chi phí dịch vụ mua ngoài	189.323.461.478	138.054.932.570
Chi phí khác bằng tiền	42.149.490.558	50.219.676.497
	2.840.878.660.135	2.114.048.864.311

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	36.104.196.332	20.893.764.749
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.560.491.506	3.132.015.920
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	39.228.023	45.307.771
	37.703.915.861	24.071.088.440

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập hiện hành là chi phí thuế phát sinh tại Công ty mẹ. Công ty TNHH MTV Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung là công ty con của công ty đang trong giai đoạn ưu đãi thuế nên không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ các ngành xây dựng và công nghiệp. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, vì vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý.

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	325.045.515.976	289.578.527.341
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	56.339.290	56.339.290
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.769	5.140

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (Tiếp theo)

Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Trong năm, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ bằng phương thức phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu từ quỹ đầu tư phát triển dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành của năm 2013 như sau:

	Số cổ phiếu bình quân gia quyền	
	Cổ phiếu	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Theo báo cáo tài chính năm 2013	43.337.996	6.682
Ảnh hưởng của trả cổ tức bằng cổ phiếu được phát hành vào ngày 23 tháng 6 năm 2014	13.001.294	(1.542)
Số đã điều chỉnh lại	56.339.290	5.140

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 và số 17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Hệ số đòn bẩy tài chính		
Các khoản vay	863.567.518.333	366.450.255.227
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	49.735.663.171	29.343.739.671
Nợ thuần	813.831.855.162	337.106.515.556
Vốn chủ sở hữu	1.465.909.945.328	1.226.048.689.694
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,6	0,3

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.735.663.171	29.343.739.671
Phải thu khách hàng và phải thu khác	594.176.457.201	440.131.201.248
Đầu tư dài hạn khác	236.000.000	1.600.000.000
Tổng cộng	644.148.120.372	471.074.940.919
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	863.567.518.333	366.450.255.227
Phải trả người bán và phải trả khác	133.079.226.487	91.490.978.099
Chi phí phải trả	68.105.176.901	54.914.626.169
Tổng cộng	1.064.751.921.721	512.855.859.495

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	53.962.956.922	46.372.641.115	853.166.855	225.145.630
Euro (EUR)	670.230.893	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của USD và EUR.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	5.310.979.007	4.614.749.549
Euro (EUR)	67.023.089	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 sẽ thay đổi như sau:

	<u>Tăng/(Giảm) số</u>	<u>Ảnh hưởng đến lợi</u>
	<u>điểm cơ bản</u>	<u>nhuận trước thuế</u>
		VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
VND	+200	466.733.542
VND	-200	(466.733.542)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013		
VND	+200	-
VND	-200	-

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu tiền hàng đã quá hạn với số tiền khoảng 17,2 tỷ đồng. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi các khoản phải thu này là rất thấp. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định lập dự phòng toàn bộ đối với toàn bộ các khoản phải thu này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.735.663.171	-	49.735.663.171
Phải thu khách hàng và phải thu khác	594.176.457.201	-	594.176.457.201
Đầu tư dài hạn khác	-	236.000.000	236.000.000
Tổng cộng	643.912.120.372	236.000.000	644.148.120.372
31/12/2014			
Các khoản vay	840.230.841.253	23.336.677.080	863.567.518.333
Phải trả người bán và phải trả khác	133.079.226.487	-	133.079.226.487
Chi phí phải trả	68.105.176.901	-	68.105.176.901
Tổng cộng	1.041.415.244.641	23.336.677.080	1.064.751.921.721
Chênh lệch thanh khoản thuần	(397.503.124.269)	(23.100.677.080)	(420.603.801.349)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.343.739.671	-	29.343.739.671
Phải thu khách hàng và phải thu khác	440.131.201.248	-	440.131.201.248
Đầu tư dài hạn khác	-	1.600.000.000	1.600.000.000
Tổng cộng	469.474.940.919	1.600.000.000	471.074.940.919
31/12/2013			
Các khoản vay	366.450.255.227	-	366.450.255.227
Phải trả người bán và phải trả khác	91.490.978.099	-	91.490.978.099
Chi phí phải trả	54.914.626.169	-	54.914.626.169
Tổng cộng	512.855.859.495	-	512.855.859.495
Chênh lệch thanh khoản thuần	(43.380.918.576)	1.600.000.000	(41.780.918.576)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản không cao và nằm trong khả năng kiểm soát của Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và hỗ trợ tài chính bằng các khoản vay từ ngân hàng để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong
Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong - SMP
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải

Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên doanh
Công ty liên quan khác

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	181.515.196.210	52.175.504.543
Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong - SMP	3.789.265.035	10.184.010.262
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải	611.518.579.993	465.001.546.304
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	185.011.941.840	151.526.286.803
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	5.883.293.380	4.248.582.240
Nhận lợi nhuận, cổ tức được chia		
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	-	2.998.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONGSố 02 An Đà, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải	191.095.398.440	115.808.528.536
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	127.331.234.060	24.393.536.087
Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong - SMP	51.720.019	316.136.471
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam	-	11.234.016.201
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong	724.903.102	521.372.082

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	11.950.211.600	11.136.268.399

28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Ngày 14 tháng 01 năm 2015, Hội đồng quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT về việc tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2014 với mức thanh toán bằng 10% trên vốn điều lệ (01 cổ phần được nhận 1.000 đồng).

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 25 tháng 3 năm 2014 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Lưu Thị Mai
Người lập biểu

Ngày 09 tháng 3 năm 2015



Trần Ngọc Bảo
Kế toán trưởng




Nguyễn Quốc Trường
Tổng Giám đốc